TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:26/2019/QĐST-HNGĐ	*Đô Lương, ngày 21 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82 và 83 , 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Trần Thị Bính, sinh năm 1992; nơi cư trú: xóm 06, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và anh Nguyễn Trọng Khoa, sinh năm 1987; nơi cư trú: xóm 17, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Bính và anh Nguyễn Trọng Khoa kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vào ngày 08 tháng 02 năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không đạt được. Hiện tại chị Bính và anh Khoa đã sống ly thân và xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, việc chị Bính, anh Khoa thuận tình ly hôn là có căn cứ, được Tòa án chấp nhận.

2. Về con chung: chị Trần Thị Bính và anh Nguyễn Trọng Khoa có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Thủy Tiên, sinh ngày 04/4/2013 và Nguyễn Thị Ngọc Hà, sinh ngày 28/01/2015. Ly hôn , chị Bính, anh Khoa thỏa thuận giao 02 con chung

cho anh Nguyễn Trọng Khoa nuôi dưỡng, chị Trần Thị Bính có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 500.000đ/tháng, kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi. Xét thấy quan điểm của các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

3. Về tài sản chung: chị Trần Thị Bính và anh Nguyễn Trọng Khoa không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Về lệ phí Tòa án: chị Trần Thị Bính và anh Nguyễn Trọng Khoa thỏa thuận chị Trần Thị Bính chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xét thấy, quan điểm của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật là có căn cứ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bính và anh Nguyễn Trọng Khoa

- Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Thủy Tiên, sinh ngày 04/4/2013 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Hà, sinh ngày 28/01/2015 cho anh Nguyễn Trọng Khoa trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Tiên, Hà thành niên đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị Bính có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh Khoa với số tiền là 500.000đ/ cháu/tháng, kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu Nguyễn Thị Thủy Tiên, cháu Nguyễn Thị Ngọc Hà thành niên đủ 18 tuổi

Chị Trần Thị Bính được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: chị Trần Thị Bính và anh Nguyễn Trọng Khoa không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: chị Trần Thị Bính tự nguyên chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004275 ngày 13 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cấp dưỡng nuôi con của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An*
- *VKSND huyện Đô Lương*
- *Cơ quan THADS Đô Lương*
- *Các đương sự*
- *UBND x ã Hiến Sơn*
- *Lưu hồ sơ việc Dân sự*

Nguyễn Đức Anh